

## **BÁO CÁO**

### **Xây dựng Chương trình hành động thực hiện chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ lĩnh vực giáo dục - đào tạo thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Thực hiện Công văn số 1954/SKHĐT-KTN ngày 23/9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng Chương trình hành động thực hiện chiến lược phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo xây dựng Chương trình hành động thực hiện chiến lược phát triển khu vực dịch vụ lĩnh vực giáo dục - đào tạo của ngành như sau:

#### **I. MỤC TIÊU:**

##### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Chương trình hành động số 51-CT/TU của Tỉnh ủy; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân tỉnh nhà. Giáo dục học sinh phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, làm việc có hiệu quả, chất lượng cao.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông trong dạy và học; Hoàn thiện thể chế, đổi mới hệ thống và quản trị nhà trường; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, từng bước hiện đại, xây dựng nền giáo dục mở theo hướng xã hội học tập.

Xây dựng, nâng cao chất lượng của cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ nhà giáo có trình độ, năng lực, phẩm chất, đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm; đạt chuẩn về trình độ, đảm bảo về số lượng, đồng bộ về cơ cấu; đảm bảo tốt các điều kiện cho phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số để giáo dục và đào tạo trở thành nhân tố mang tính quyết định trong việc nâng cao dân trí của tỉnh nhà.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

###### **1. Về giáo dục mầm non**

Giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1.

Đến năm 2030, có ít nhất 38% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ và 97% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non.



Đến năm 2030 có 69,9% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia và duy trì đạt chuẩn quốc gia sau 05 năm công nhận.

## 2. Về giáo dục phổ thông

Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, kỹ năng sống, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và thay sách giáo khoa mới, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời.

Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, gắn công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở với nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của tỉnh, 75% trẻ em khuyết tật được học hoà nhập.

### a) Giáo dục tiểu học:

Đến năm 2030, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở tiểu học là 99,8%.

Có 90,9% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia và giữ chuẩn quốc gia sau 05 năm công nhận.

b) Trung học cơ sở: phấn đấu đến Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi là 98%; Phấn đấu có ít nhất 32% học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở đi học nghề. Có 90,1% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia và 38,5% trường TH-THCS đạt chuẩn quốc gia.

c) Trung học phổ thông: Có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương; có 78,9% trường đạt chuẩn quốc gia.

## 3. Giáo dục thường xuyên

Tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia học tập để chuyển đổi nghề, nâng cao giá trị sức lao động. Đến năm 2030, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 trở lên là 98,5% và tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 là 99,8% trở lên đối với cả nam và nữ.

Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và hình thức giáo dục từ xa; có 80% người lao động được tham gia học tập, cập nhật kiến thức bằng nhiều hình thức khác nhau.

## II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với đổi mới giáo dục và đào tạo; tạo sự đồng thuận cao trong việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 29.

a) Tăng cường xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong ngành Giáo dục.



b) Xây dựng đội ngũ đảng viên trong ngành giáo dục có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng và tính chuyên nghiệp cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; có cơ chế khuyến khích tạo động lực để đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ đạo giao; tạo cơ hội, môi trường để đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, tạo động lực cho đổi mới và phát triển

a) Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, rà soát và hoàn thiện các quy định về chức năng quản lý nhà nước quy định trong Luật Giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

b) Đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng tinh gọn, hiệu lực, bảo đảm vai trò kiến tạo để phát triển giáo dục; đổi mới hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp và cơ chế quản trị giáo dục của nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục; cải tiến quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khuyến khích đổi mới sáng tạo gắn với thực tiễn.

c) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, khắc phục bệnh thành tích, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực trong giáo dục và đào tạo.

3. Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống của người học.

Xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng cấp học, môn học, nội dung, chương trình; đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; rà soát những điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ,... để áp dụng chương trình, sách giáo khoa mới cho lớp 1 theo lộ trình cuốn chiếu từ năm học 2020 - 2021; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức công dân, đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; bảo đảm an toàn trường học, vệ sinh trường học, môi trường sư phạm thân thiện, lành mạnh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông trong dạy và học; kiên quyết khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều; chú trọng hơn nữa việc dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tự cập nhật và đổi mới tri thức.

4. Quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

a) Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên, bảo đảm điều kiện để thực hiện để thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tập trung ưu tiên cho giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và giáo dục ở vùng khó khăn. Phát triển hệ



thống trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và các loại hình khác để thúc đẩy học tập suốt đời, khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục tự thực.

b) Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, tạo điều kiện bảo đảm tiếp cận dịch vụ giáo dục bình đẳng, có chất lượng và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.

5. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ chương trình, phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài.

a) Xây dựng và triển khai chương trình giáo dục mầm non mới phù hợp với điều kiện thực tiễn, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển theo độ tuổi của trẻ; nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục hình thành ở trẻ hiểu biết về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và nhữ thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt; đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; tăng cường phổ biến kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng; Từng bước triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 4 tuổi; nâng cao chất lượng phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi; có cơ chế, chính sách hỗ trợ hợp lý để nâng tỷ lệ trẻ dưới 36 tháng tuổi được học ở nhà trẻ và các nhóm lớp độc lập tự thực.

b) Tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đảm bảo chất lượng và hiệu quả đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh, tạo điều kiện cho học sinh được tiếp cận khai thác các nguồn học liệu đa dạng, phong phú, phát triển khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân; hình thành những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức nhân cách công dân; khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ; tiếp tục thực hiện tốt giáo dục bắt buộc đối với tiểu học và từng bước thực hiện phổ cập giáo dục bắt buộc đối với trung học cơ sở theo Nghị quyết 29-NQ/TW của Đảng.

c) Đa dạng hóa các chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân, nâng cao chất lượng các chương trình bồi dưỡng bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển và chuyển đổi nghề nghiệp của người lao động. Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời trong tỉnh; đổi mới đa dạng hóa hình thức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng. Hoàn thiện hệ thống giáo dục trên địa bàn tỉnh theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

Đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp sau trung học phổ thông, liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các ngành học, cấp học và trình độ đào tạo. Tăng tỷ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

d) Triển khai có hiệu quả các biện pháp về phòng, chống dịch Covid-19; chỉ đạo các cơ sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục và đào tạo chủ động xây dựng kế hoạch, kịch bản, giải pháp ứng phó với tình huống dịch Covid-19 còn ảnh hưởng



lâu dài, bảo đảm an toàn trường học. Xây dựng triển khai đề án sức khỏe học đường và đề án đổi mới y tế trường học ở cấp mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở, từng bước nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể dục thể thao trường học, tăng cường giáo dục dinh dưỡng hợp lý, kết hợp vận động thể lực phù hợp để nâng cao tầm vóc cho học sinh; chú trọng chất lượng bữa ăn bán trú và công tác an toàn thực phẩm trong trường học và bảo đảm tiêu chí trường học an toàn thân thiện.

6. Đổi mới công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan.

Rà soát, tinh giản các cuộc thi, hội thi không cần thiết theo hướng giảm áp lực và tốn kém cho xã hội mà vẫn bảo đảm độ tin cậy, trung thực, đánh giá đúng năng lực học sinh; tăng cường kiểm tra, giám sát các kỳ thi, cuộc thi nhằm đảm bảo công bằng, khách quan, đúng quy chế. Kiên quyết xử lý và kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý kịp thời cá nhân, tổ chức vi phạm quy chế thi; theo dõi kiểm tra công tác quản lý văn bằng chứng chỉ, công tác bảo đảm và thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục để nâng cao hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với các đơn vị, cơ sở giáo dục.

7. Đổi mới căn bản công tác quản trị trường học, giảm tải các hoạt động ít liên quan đến chuyên môn, giảm áp lực hành chính để giáo viên dành thời gian cho đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy; nêu cao vai trò tự chủ và chịu trách nhiệm của thủ trưởng cơ sở giáo dục; quản lý nghiêm ngặt chất lượng giáo dục, tăng cường kỷ cương, kỷ luật nhà trường và cam kết thực hiện “03 công khai” theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017, qua đó tạo lập niềm tin về mối quan hệ gắn kết, đồng hành: “*nhà trường - giáo viên - học sinh - cha mẹ học sinh - các cấp ủy Đảng, chính quyền*” đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở mỗi địa phương.

8. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo và thay sách giáo khoa mới.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo từng cấp học và trình độ đào tạo, có năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới.

a) Thực hiện đào tạo gắn với nhu cầu để đảm bảo đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng giáo viên mầm non, phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; cơ cấu lại hệ thống cơ sở giáo dục để sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có; đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng giáo viên theo hướng linh hoạt để các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định. Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở bảo đảm phù hợp với thực trạng đội ngũ giáo viên và điều kiện của các cơ sở giáo dục, địa phương; không để ra tình trạng thiếu giáo viên.

b) Bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị cho đội ngũ quản lý; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Đổi mới căn bản nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng đội ngũ theo hướng đa dạng hóa các loại hình bồi dưỡng, trong đó tăng cường năng lực tự bồi dưỡng và bồi dưỡng trực tuyến.



9. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

Tham mưu, bố trí ngân sách tỉnh chi cho giáo dục và đào tạo hằng năm đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa 82%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 18%. Ưu tiên bố trí kinh phí triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch đã được phê duyệt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; ưu tiên nguồn kinh phí để tăng cường cơ sở vật chất, củng cố, duy trì và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, quy hoạch quỹ đất dành cho phát triển các cơ sở giáo dục theo chuẩn quốc gia đã quy định cho tất cả các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn.

10. Chủ động hội nhập, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo

Căn cứ Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, bám sát chương trình, kế hoạch được UBND tỉnh giao, tiếp tục phối hợp thực hiện đảm bảo nội dung và nguyên tắc thỏa thuận hợp tác trên địa bàn tỉnh đối với các cơ sở giáo dục có uy tín, chất lượng cao; tăng quy mô đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước đối với giáo viên Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Khiết. Khuyến khích, tạo thuận lợi thực hiện việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

11. Phát triển giáo dục miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Đảm bảo cơ sở vật chất cho các trường học có học sinh dân tộc thiểu số; hoàn thiện việc nâng cấp theo hướng chuẩn hoá đối với các trường phổ thông dân tộc nội trú; phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú; tập trung tham mưu UBND tỉnh xây dựng nhà bán trú cho học sinh trung học phổ thông để các em có điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập được thuận lợi hơn.

Nâng cao chất lượng dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc theo Đề án tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và chuẩn bị tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh dân tộc thiểu số.

12. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo.

a) Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025, bảo đảm cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình giáo dục mầm non; xây dựng và tích hợp các chương trình mục tiêu quốc gia để tăng cường cơ sở vật chất cho các trường mầm non, phổ thông; tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, trong đó ưu tiên cấp học mầm non và tiểu học, phát triển giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn.

b) Huy động và thu hút và các nguồn lực trong và ngoài tỉnh để tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục và đào tạo trong tỉnh. Vận động, thu hút nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ chính phủ của các nhà tài trợ nước ngoài cho giáo dục và đào tạo.



### III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ của chương trình hành động của Sở Giáo dục và Đào tạo được dự toán từ các nguồn: Ngân sách nhà nước cho giáo dục hàng năm, ngân sách từ các chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách từ các đề án, dự án có liên quan, từ nguồn thu của các cơ sở giáo dục, từ nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

2. Đẩy mạnh việc huy động nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia chương trình theo quy định của pháp luật.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Phạm Văn Đồng và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Chương trình hành động chiến lược phát triển khu vực dịch vụ lĩnh vực giáo dục - đào tạo thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Chương trình hành động thực hiện chiến lược phát triển khu vực dịch vụ lĩnh vực giáo dục - đào tạo của Sở, các chỉ đạo của Trung ương và địa phương, từng phòng, ban, đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả.

Các đơn vị trực thuộc Sở, các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh, quán triệt và tăng cường công tác truyền thông các nội dung Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Sở Giáo dục và Đào tạo; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện của từng địa phương, đơn vị, trong đó cụ thể hóa thành các nhiệm vụ hàng năm, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể: định kỳ tháng 12 hàng năm báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

(Kèm Phụ lục 01: Nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động thực hiện chiến lược phát triển khu vực dịch vụ giáo dục - đào tạo thời kỳ 2021-2030)

Trên đây là các nội dung báo cáo xây dựng Chương trình hành động thực hiện chiến lược phát triển khu vực dịch vụ lĩnh vực giáo dục - đào tạo thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. /.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu: VP, VT, KHTC(tqh).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Sỹ**

**Phụ lục 01**

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHU VỰC DỊCH VỤ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Báo cáo số 824/BC-SGDĐT ngày 07/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi)

| STT | NHIỆM VỤ CHỦ YẾU  | CƠ QUAN CHỦ TRÌ        | CƠ QUAN PHỐI HỢP  | THỜI GIAN THỰC HIỆN      | HÌNH THỨC VĂN BẢN  | GHI CHÚ |
|-----|---|------------------------|---|--------------------------|--|---------|
| 1   | Tiếp tục thực hiện: Đề án "Xây dựng xã hội học tập" đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi                             | Sở Giáo dục và Đào tạo | UBND các huyện, thị xã, thành phố   | 2014-2025                | QĐ số 485/QĐ-UBND ngày 14/04/2014 của UBND tỉnh  |         |
| 2   | Tiếp tục thực hiện: Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục Quốc dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố | 2012-2025                | QĐ số 17/QĐ-UBND ngày 03/2/2012 của UBND tỉnh  |         |
| 3   | Chính sách hỗ trợ đối với học sinh trường THPT chuyên Lê Khiết  | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, UBND thành phố                    | 2017,2018 và các năm sau | NQ số 37/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017; QĐ số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh |         |



| STT | NHIỆM VỤ CHỦ YẾU   | CƠ QUAN CHỦ TRÌ        | CƠ QUAN PHỐI HỢP  | THỜI GIAN THỰC HIỆN | HÌNH THỨC VĂN BẢN                               | GHI CHÚ |
|-----|--|------------------------|---|---------------------|---|---------|
| 4   | Kế hoạch hỗ trợ dạy tiếng Việt cho con em người Việt Nam đang sinh sống, học tập tại các tỉnh Attapeu, Sekong và Champasak, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, và Trường Đại học Phạm Văn Đồng | 2017-2027           | QĐ số 2204/QĐ-UBND ngày 20/11/2017              |         |
| 5   | Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi     | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố   | 2017-2025           | QĐ số 80/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của UBND tỉnh  |         |
| 6   | Ban hành Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh trong năm học 2021-2022 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, ,UBND các huyện, thị xã, thành phố                         | 2021-2025           | QĐ số 1133/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh |         |
| 7   | Đề án tăng cường tăng cường csvc giáo dục mầm non - phổ thông giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436 của Thủ tướng Chính phủ.                               | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính,UBND các huyện, thị xã, thành phố                                   | 2017-2025           | Đang chờ UBND tỉnh phê duyệt                    |         |
| 8   | Chính sách hỗ trợ học sinh, giáo viên mầm non theo Nghị định 105 của Chính phủ   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính,UBND các huyện, thị xã, thành phố                                   | 2021-2025           | Đang xây dựng                                   |         |

H.C.N  
SỞ  
GDĐT  
QUẢNG  
NGÃI



| STT | NHIỆM VỤ CHỦ YẾU   | CƠ QUAN CHỦ TRÌ        | CƠ QUAN PHỐI HỢP  | THỜI GIAN THỰC HIỆN | HÌNH THỨC VĂN BẢN | GHI CHÚ |
|-----|--|------------------------|---|---------------------|-------------------|---------|
| 9   | Mô hình “Trường học văn minh, học sinh thân thiện, không ma túy và bạo lực học đường” giai đoạn 2021-2025  | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố | 2021-2025           | Đang xây dựng     |         |
| 10  | Tăng cường cơ sở vật chất hỗ trợ giáo dục STEM và Chuyển đổi số góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố                                    | 2021-2030           | Đang xây dựng     |         |
|     |  |                        |   |                     |                   |         |

